

VIETNAM DAILY

[Điểm nhấn thị trường]

Chỉ số VN-Index biến động giằng co và tăng nhẹ vào cuối phiên trước tâm lý thận trọng của nhà đầu tư trước ảnh hưởng của thị trường từ các lệnh trừng phạt cũng như đáp trả của Mỹ, EU và Nga

[Hợp đồng tương lai/Quỹ ETF]

Các HĐTL tăng điểm, diễn biến trái chiều với thị trường cơ sở

[Thông tin doanh nghiệp]

BWE, GDT

[Cập nhật công ty]

VCB, DPR

[Quan điểm đầu tư]

NĐT có thể gia tăng một phần tỷ trọng vị thế trading tại vùng hỗ trợ với các cổ phiếu mục tiêu, nhưng cần giảm thiểu vị thế nắm giữ nếu vùng hỗ trợ đã đề cập bị thủng sau đó.

09/03/2022

	Chỉ số	Thay đổi (%, bp)
VNIndex	1,473.74	+0.00
VN30	1,489.25	-0.06
HĐTL VN30F1M	1,490.80	+0.03
HNXIndex	444.60	-0.29
HNX30	810.97	-0.17
UPCoM	113.37	+0.67
USD/VND	22,845	-0.02
Lợi suất TPCP 10 năm (%)	2.29	+0
Lãi suất qua đêm (%)	2.17	+13
Dầu (WTI, \$)	124.82	+0.91
Vàng (LME, \$)	2,045.93	-0.24

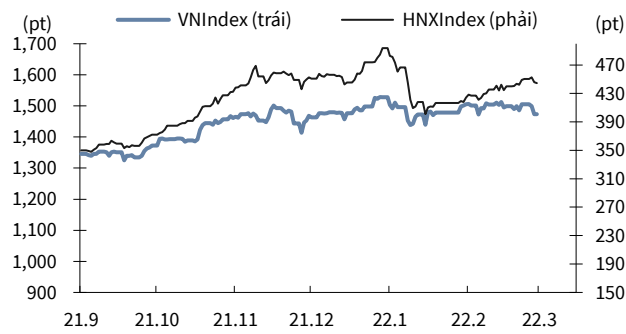


Điểm nhấn thị trường

VNIndex	1,473.74 (+0.00%)
KLGD (triệu CP)	930.3 (-1.7%)
GTGD (triệu US\$)	1,335.9 (-11.6%)
HNXIndex	444.60 (-0.29%)
KLGD (triệu CP)	141.4 (-3.8%)
GTGD (triệu US\$)	170.8 (-6.0%)
UPCoM	113.37 (+0.67%)
KLGD (triệu CP)	104.0 (-6.1%)
GTGD (triệu US\$)	93.0 (-6.6%)
NĐTNN mua ròng (triệu US\$)	-46.9

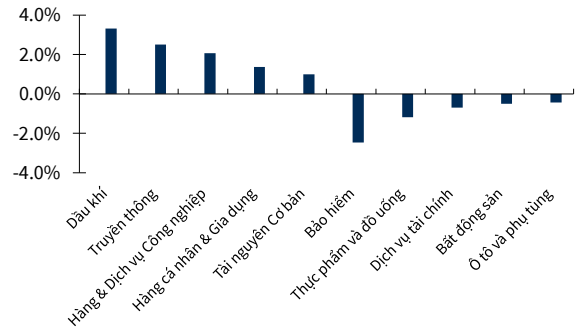
Chỉ số VN-Index biến động giằng co và tăng nhẹ vào cuối phiên trước tâm lý thận trọng của nhà đầu tư trước ảnh hưởng của thị trường từ các lệnh trừng phạt cũng như đáp trả của Mỹ, EU và Nga. Theo Forest Trends và Hiệp hội Gỗ và Lâm sản Việt Nam (Vifores), cuộc chiến Nga - Ukraine có thể đẩy ngành gỗ Việt Nam vào nguy cơ thiếu nguyên liệu, giá gỗ nguyên liệu nhập khẩu gia tăng, làm giảm lợi thế cạnh tranh của các doanh nghiệp trong nước trên trường quốc tế khiến cổ phiếu ngành gỗ giảm giá ở GDT (-0.7%), ACG (-0.6%). Hiệp hội chế biến và xuất khẩu thủy sản (VASEP) cho biết, xuất khẩu thủy sản sang tháng 2/2022 tiếp tục đà tăng trưởng mạnh với mức tăng đột phá 62% YoY ước đạt 635 triệu USD, trong đó xuất khẩu cá tra tăng mạnh nhất với 127% YoY đạt 171 triệu USD, xuất khẩu tôm tăng 50% so với cùng kỳ đạt 237 triệu USD tác động tích cực đến cổ phiếu nhóm thủy sản ở FMC (+1.7%), VHC (+0.5%). Khối ngoại tiếp tục bán ròng ở HPG (+0.8%), VNM (-1.3%), VHM (-0.8%).

VNIndex & HNXIndex



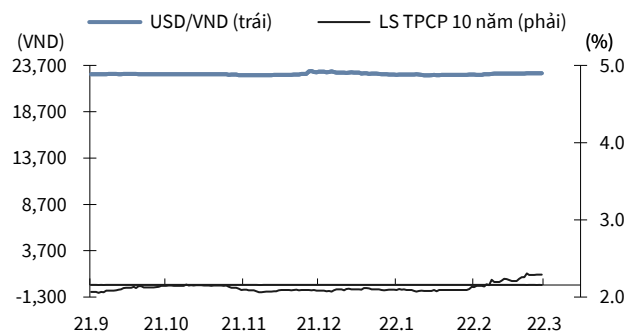
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Biến động nhóm ngành



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

USD/VND & lợi suất trái phiếu chính phủ 10 năm



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Giá trị mua ròng khối ngoại lũy kế 3 tháng



Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

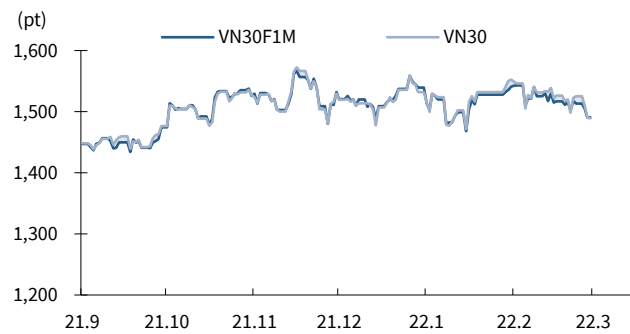
Hợp đồng tương lai/Quỹ ETF

VN30	1,489.25 (-0.06%)
VN30F1M	1,490.8 (+0.03%)
Mở cửa	1,494.0
Cao nhất	1,495.8
Thấp nhất	1,486.2

Các HĐTL tăng điểm, diễn biến trái chiều với thị trường cơ sở. Chênh lệch F2203 và chỉ số VN30 mở cửa ở 0.13 điểm, sau đó biến động giằng co trong biên độ -2.07 và 4.83, đóng cửa ở mức 1.55 điểm. Khối ngoại mua ròng trong phiên hôm nay với thanh khoản thị trường giảm nhẹ.

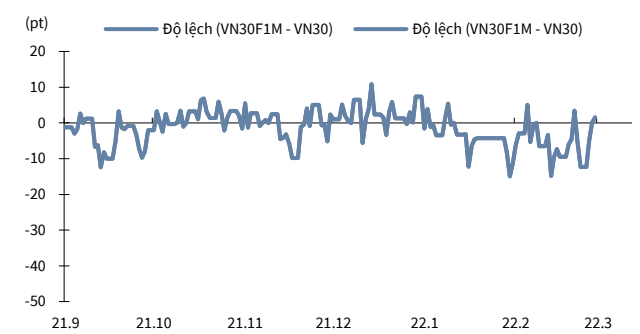
KLGD (HĐ)	133,086 (-10.5%)
------------------	-------------------------

HĐTL VN30F1M & VN30



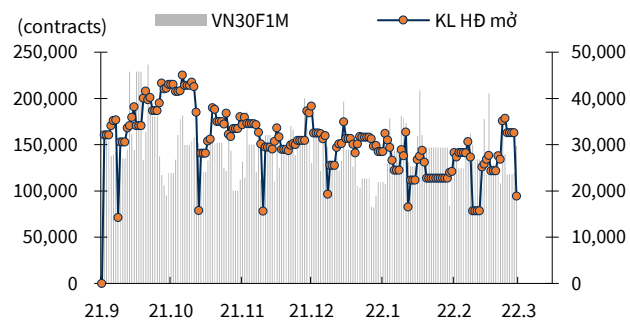
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Độ lệch HĐTL VN30F1M so với VN30



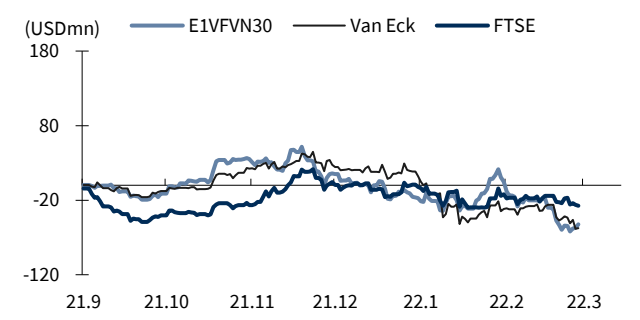
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

KLGD HĐTL VN30F1M & KL hợp đồng mở



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

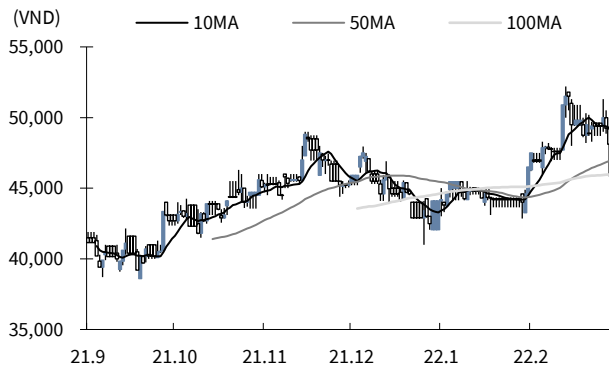
Biến động tổng tài sản các quỹ ETFs lớn



Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

Thông tin doanh nghiệp

CTCP Nước - Môi trường Bình Dương (BWE)

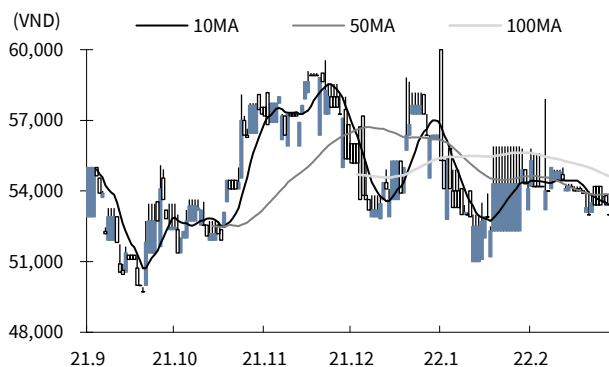


Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

- BWE giảm 3.24% xuống 48,100 VND/cp

- Công ty cổ phần Nước – Môi trường Bình Dương dự kiến kế hoạch kinh doanh trong năm 2022 với lợi nhuận đạt 750 tỷ đồng, tương đương năm 2021 và doanh thu tăng trưởng tối thiểu 10% đạt 3,850 tỷ đồng. Chính sách cổ tức tối thiểu 13% vốn điều lệ. Công ty tiếp tục tập trung đầu tư mở rộng phạm vi cấp nước ở những khu vực có tiềm năng như thị xã Tân Uyên, huyện Bắc Tân Uyên, huyện Bàu Bàng, huyện Hớn Quản tỉnh Bình Phước.

CTCP Chế biến Gỗ Đức Thành (GDT)



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

- GDT giảm 0.75% xuống 53,000 VND/cp

- Gỗ Đức Thành dự kiến lợi nhuận sau thuế năm 2022 đạt 94.3 tỷ đồng, tăng 55% so với thực hiện 2021, mở rộng hơn 1,000 m2 diện tích sản xuất nhà máy ở thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương để góp phần tăng năng lực sản xuất lên gần 20% so với hiện tại.

- Qua 2 tháng đầu năm, doanh nghiệp cho biết số lượng công nhân sau Tết đi làm đầy đủ đã giúp doanh số đạt 2.31 triệu USD, vượt hơn 7% so với kế hoạch và tăng 24% so với cùng kỳ năm trước. Đồng thời, doanh số đơn hàng đã nhận được gần 9 triệu USD, tương đương gần 50% kế hoạch của cả năm 2022 (18.75 triệu USD).

CTCP cao su Đồng Phú (DPR)

Quỹ đất lớn với tiềm năng tăng trưởng dài hạn

09/03/2022

 Chuyên viên phân tích – Tiêu Phan Thanh Quang
 quangtpt@kbsec.com.vn

Triển vọng tươi sáng hơn cho mảng cao su của DPR nhờ giá cao su tăng cao

Theo dự báo của Expert Market Research, nhu cầu cao su tự nhiên toàn cầu sẽ tăng trưởng kép 4.8% trong giai đoạn 2021-2026 và với giả định nguồn cung tăng trưởng trung bình 3%/năm, chúng tôi nhận thấy chênh lệch cung – cầu cao su tự nhiên ngày càng được kéo dài trong giai đoạn tới. Điều này sẽ là một yếu tố hỗ trợ tích cực cho giá bán cao su tự nhiên nói chung và giá bán cao su tự nhiên của DPR nói riêng.

Thu nhập một lần từ đền bù đất – động lực tăng trưởng lợi nhuận trong trung hạn

Chúng tôi dự báo DPR sẽ chuyển nhượng 150 ha trong năm 2022 và 250 ha mỗi năm trong giai đoạn 2023-2029 với giá bán theo như đã thực hiện năm 2021 là 1 tỷ VNĐ/ha, đem về tổng 1,740 tỷ VNĐ trong giai đoạn 2023-2029. Đây sẽ là yếu tố chính đóng góp vào tăng trưởng LNST của DPR khi khoản thu nhập bất thường này chiếm từ 30-50% LNST mỗi năm của DPR.

Các khu công nghiệp Bắc – Nam Đồng Phú mở rộng sẽ là động lực tăng trưởng dài hạn cho DPR

Dự án mở rộng KCN Bắc Đồng Phú sẽ đi vào cho thuê trong năm 2023 và khi dự án KCN Nam Đồng Phú dự kiến bắt đầu cho thuê năm 2026. Chúng tôi kì vọng với sự xuất hiện của cao tốc TP.HCM - Thủ Dầu Một - Chơn Thành, giá thuê của KCN Bắc Đồng Phú và Nam Đồng Phú mở rộng sẽ cao hơn, lần lượt theo giả định là 65 USD/m²/kỳ thuê với Bắc Đồng Phú và 75 USD/m²/kỳ thuê với Nam Đồng Phú so với mức 55-60 USD/m²/kỳ thuê hiện nay của 2 KCN hiện hữu.

Khuyến nghị MUA cổ phiếu DPR với giá mục tiêu 112,700 VNĐ/cổ phiếu

Chúng tôi sử dụng phương pháp định giá từng phần (SOTP) để định giá cổ phiếu DPR và đưa ra khuyến nghị MUA với mức giá mục tiêu 112,700 VNĐ/cổ phiếu, tương ứng upside 40.9% so với giá đóng cửa ngày 08/03/2022.

Rating change

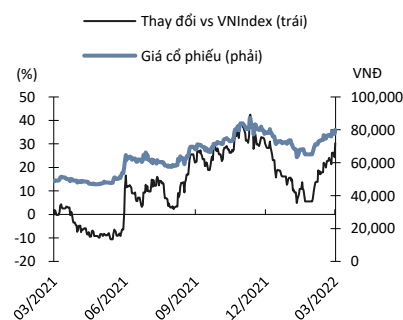
Giá mục tiêu	VNĐ 112,700
Tổng mức sinh lời (%)	43.6%
Giá hiện tại (08/03/2022)	VNĐ 80,000
Giá mục tiêu thị trường	VNĐ 101,950
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	3,440

Dữ liệu giao dịch	
Tỷ lệ CP tự do chuyển nhượng (%)	39.2%
GTGD TB 3 tháng (tỷ VNĐ)	18.21
Sở hữu nước ngoài (%)	0.0%
Cổ đông lớn	Tập đoàn Cao su Việt Nam (59.8%)

Biến động giá cổ phiếu				
(%)	1M	3M	6M	12M
DPR	16.6	2.4	17.6	62.4
VNINDEX	18.8	1.0	6.5	28.1

Dự phóng KQKD & định giá

Năm tài chính	2020A	2021A	2022F	2023F
Doanh thu (tỷ VNĐ)	1,138	1,215	1,260	1,361
EBIT	209	315	295	316
LN sau CĐTS	178	449	351	437
EPS (VNĐ)	4,435	10,752	8,163	10,163
Thay đổi EPS (%)	-2.7	142.4	-24.0	25.0
P/E (x)	9.6	6.7	13.8	11.1
EV/EBITDA (x)	6.4	6.8	12.6	12.2
P/B (x)	0.7	1.1	1.7	1.6
ROE (%)	9.1	17.5	13.1	15.0
Tỷ suất cổ tức (%)	12.1	6.3	2.7	3.5



Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

VietcomBank (VCB)

Tăng trưởng lợi nhuận cao trong năm 2022

09/03/2022

 Chuyên viên phân tích Lê Hạnh Quyền
 quyenlh@kbsec.com.vn

Năm 2021, LNST đạt 21,928 tỷ VND, tăng 18.71% YoY, nhờ tăng trưởng tín dụng tăng 15.1% YoY và NIM duy trì ổn định ở mức 3.14%

Tỷ lệ nợ xấu đạt 0.62%, đẩy mạnh trích lập tỷ lệ bao phủ nợ xấu 424%

Chất lượng tài sản tốt, kế hoạch phát hành riêng lẻ thành công cùng tiềm năng tăng trưởng tín dụng cao sẽ là động lực tăng trưởng lợi nhuận cho VCB trong năm 2022

Khuyến nghị MUA, giá mục tiêu 105,000 VND/cp

Lũy kế cả năm 2021, thu nhập lãi thuần đạt 42,387 tỷ VND, tăng 16.8% YoY; lợi nhuận sau thuế đạt 21,928 tỷ VND, tăng 18.71% YoY, động lực chính đến từ tăng trưởng tín dụng duy trì ở mức cao đạt 15.1% YoY và NIM duy trì ổn định ở mức 3.14%.

Tỷ lệ nợ xấu 4Q2021 đạt 0.62%, giảm 17 bps YoY và 39 bps QoQ. VCB đẩy mạnh trích lập dự phòng trong năm 2021 với tỷ lệ bao phủ nợ xấu đạt 424%

KBSV cho rằng, tăng trưởng lợi nhuận của VCB trong năm 2022 đạt mức cao nhờ: (1) Chất lượng tài sản tốt giúp giảm áp lực trích lập; (2) Kế hoạch phát hành riêng lẻ nếu thành công sẽ giúp hệ số CAR cải thiện, và giúp VCB tiếp tục mở rộng tăng trưởng tín dụng; (3) NIM giảm nhẹ nhờ lợi thế tốt về CASA và tối ưu hệ số LDR; (4) Kiểm soát tốt chi phí giúp CIR giảm nhẹ. KBSV dự phóng tăng trưởng tín dụng của VCB đạt 13.8% và LNST năm 2022 dự kiến tăng 19.2% YoY, đạt 26,137 tỷ VND.

Dựa trên kết quả định giá, triển vọng kinh doanh cũng như xem xét các yếu tố rủi ro có thể phát sinh, chúng tôi khuyến nghị MUA đối với cổ phiếu VCB. Giá mục tiêu là 105,000 VND/cp, cao hơn 28.8% so với giá tại ngày 08/03/2022.

Mua

Giá mục tiêu	VND 105,000
Tăng/Giảm	28.8%
Giá hiện tại (08/03/2021)	VND 81,500
Giá mục tiêu thị trường	VND 95,900
Vốn hóa thị trường (Tỷ VND)	394.2/17.3

Dự phóng KQKD & định giá

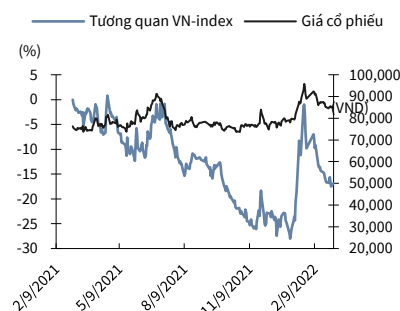
Cuối năm tài chính	2020	2021	2022F	2023F
Thu nhập lãi thuần (tỷ VND)	36,285	42,387	45,647	50,322
LN thuần trước CF DPRRTD (tỷ VND)	33,024	39,136	42,420	46,964
LNST ngân hàng mẹ (tỷ VND)	18,451	21,908	26,004	29,683
EPS (VND)	4,975	5,116	5,494	6,272
Tăng trưởng EPS (%)	0%	3%	7%	14%
PER (x)	17.1	16.6	15.5	13.5
Giá trị sổ sách/CP (BVPS)	25,370	29,974	31,147	37,419
PBR (x)	3.3	2.8	2.7	2.3
ROE (%)	21%	21%	20%	18%
Tỷ lệ cổ tức (%)	1%	1%	1%	1%

Dữ liệu giao dịch

Tỷ lệ CP tự do chuyển nhượng (%)	25.2%
GTGD TB 3 tháng (tỷ VND/triệu USD)	129.6/5.7
Sở hữu nước ngoài (%)	6.4%
Cơ cấu cổ đông	Ngân hàng nhà nước (74.8%)

Biến động giá cổ phiếu

(%)	1M	3M	6M	12M
Tuyệt đối	-7.7	9.8	9.1	11.3
Tương đối	-7.6	6.6	-2.4	-16.9



Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

Quan điểm kỹ thuật

Xu hướng & Hành động

Thị trường cơ sở – Chỉ số VNIndex



Nguồn : Trading View, KB Securities Vietnam

- Sau nhịp mở gap tăng điểm đầu phiên, VNIndex dần suy yếu và diễn biến giằng co tới cuối phiên với các nhịp tăng giảm đan xen.
- Những phản ứng tích cực tại vùng hỗ trợ quanh 145x cùng với sự tiết giảm của bên bán đã giúp chỉ số sớm lấy lại trạng thái cân bằng hơn. VNIndex nhiều khả năng sẽ tiếp tục chịu áp lực rung lắc trong những phiên tới với vùng kháng cự gần đặt tại 1500 trước khi hình thành một mặt bằng giá vững chắc hơn.
- NĐT có thể gia tăng một phần tỷ trọng vị thế trading tại vùng hỗ trợ với các cổ phiếu mục tiêu, nhưng cần giảm thiểu vị thế nắm giữ nếu vùng hỗ trợ đã đề cập bị thủng sau đó.

Chỉ số VN30



Thị trường phái sinh – Hợp đồng tương lai VN30F1M (F1)



Nguồn : Trading View, KB Securities Vietnam

Ngưỡng trong phiên

Kháng cự xa: 1513 – 1518

Kháng cự gần: 1496 – 1501

Hỗ trợ gần: 1479 – 1484

Hỗ trợ xa: 1468 – 1471

- Sau nhịp mở gap tăng điểm đầu phiên, F1 dần suy yếu và diễn biến giằng co tới cuối phiên với các nhịp tăng giảm đan xen.
- Những phản ứng tích cực tại vùng hỗ trợ quanh 148x cùng với sự tiết giảm của bên bán đã giúp chỉ số sớm lấy lại trạng thái cân bằng hơn. VNIndex nhiều khả năng sẽ tiếp tục chịu áp lực rung lắc trong những phiên tới với vùng kháng cự gần đặt tại 150x trước khi hình thành một mặt bằng giá vững chắc hơn.
- Chiến lược giao dịch trong phiên: Tiếp tục chiến lược giao dịch linh hoạt 2 chiều.
- Chiến lược giao dịch qua đêm: Nằm giữ trạng thái LONG đã mở, chỉ đóng nếu F1 để mất vùng hỗ trợ xa.

Lưu ý: Mức dừng lỗ áp dụng cho các vị thế trong phiên là 2 điểm và qua đêm là 5 điểm. Tùy vào khẩu vị rủi ro và diễn biến thực tế, NĐT có thể cần điều chỉnh tăng giảm nhẹ các mức này.

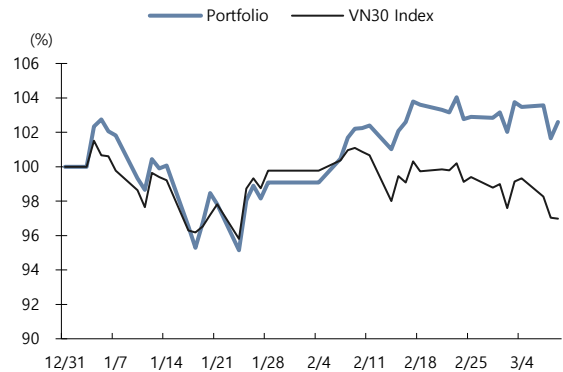
KBSV danh mục đầu tư mẫu

Khối phân tích KBSV

Phương pháp tiếp cận:

- Danh mục tập hợp các cổ phiếu tiềm năng nhất được KBSV nghiên cứu và khuyến nghị nắm giữ trong 3 tháng tới với mục đích mang lại hiệu suất vượt trội so với chỉ số VN30.
- Ngưỡng cắt lỗ tại -15%
- Luôn duy trì 100% danh mục là cổ phiếu (có thể bao gồm CCQ ETF) với trọng số được phân bổ đều (tỷ trọng cổ phiếu trong danh mục được điều chỉnh hàng tháng).

So sánh hiệu suất với VN30 Index



	VN30 Index	Master Portfolio
Tăng trong phiên	-0.06%	0.93%
Tăng lũy kế (YTD)	-3.03%	2.59%

Danh mục đầu tư mẫu cho NĐT trong nước

Mã CP	Ngày khuyến nghị	Giá đóng cửa 09/03/2022	Tăng/giảm trong phiên (%)	Tăng/giảm lũy kế (%)	Điểm nhấn đầu tư
Mobile World (MWG)	09/08/2019	133,800	-0.3%	73.2%	<ul style="list-style-type: none"> - MWG đã tối ưu hóa doanh thu cho chuỗi cửa BMX và TGDD - BHX dự kiến sớm đạt điểm hòa vốn tại cửa hàng và trung tâm phân phối - Về dài hạn, BHX đạt mục tiêu năm 10-15% thị trường bán lẻ thực phẩm
Dam Phu My (DPM)	04/03/2022	65,300	5.3%	8.3%	<ul style="list-style-type: none"> - Giá phân bón tiếp tục duy trì ở mức cao với nguồn cung hạn chế, trong khi nhu cầu trong nước phục hồi - Tình hình tài chính lành mạnh, ROE cao nhất ngành, đòn bẩy thấp
Phu Nhuận Jewelry (PNJ)	22/03/2019	110,500	4.2%	44.2%	<ul style="list-style-type: none"> - Tăng trưởng doanh số bán lẻ trang sức vẫn duy trì ở mức cao - PNJ hội tụ đủ điều kiện để thành công trên thị trường đồng hồ đeo tay - Hoạt động kinh doanh cốt lõi tăng trưởng trở lại sau sự cố "ERP"
Nam Tân Uyen (NTC)	11/11/2021	195,400	-2.6%	1.8%	<ul style="list-style-type: none"> - Khu Công nghiệp NTC-3 được phê duyệt đóng góp tăng trưởng 2022 - Triển vọng tích cực trong dài hạn của ngành khu công nghiệp - Cấu trúc tài chính lành mạnh
Refrig Elec Eng (REE)	11/10/2018	71,100	-1.9%	109.1%	<ul style="list-style-type: none"> - Mảng cho thuê văn phòng đem lại dòng tiền ổn định cho REE - Đầu tư chiến lược vào ngành tiện ích đem về dòng cổ tức ổn định dài hạn
FPT Corp (FPT)	06/09/2018	95,500	0.7%	228.0%	<ul style="list-style-type: none"> - Hoạt động xuất khẩu phần mềm đang tăng trưởng mạnh - Mảng viễn thông dự kiến duy trì ổn định tăng trưởng 15% - Dự kiến FPT có thể duy trì tốc độ tăng trưởng lợi nhuận trên 20% hết 2020
Vietin Bank (CTG)	31/01/2020	32,000	-0.2%	69.3%	<ul style="list-style-type: none"> - Kết quả kinh doanh tăng trưởng mạnh trong năm 2019 - Kỳ vọng vào việc tăng vốn sẽ diễn ra mạnh mẽ trong năm 2020 - Chất lượng tài sản được cải thiện mạnh
PV Gas (GAS)	11/12/2020	122,200	1.2%	66.5%	<ul style="list-style-type: none"> - Hưởng lợi từ nhu cầu LNG tăng cao trước tình trạng thiếu hụt của ngành điện - Thông tin về vaccine, OPEC+ trì hoãn nâng sản lượng hỗ trợ giá dầu - Kỳ vọng việc xây dựng cảng LNG Thị Vải được đẩy mạnh
Hoa Phat Group (HPG)	04/12/2019	49,850	0.8%	244.4%	<ul style="list-style-type: none"> - Sản lượng tiêu thụ thép bắt đầu hồi phục trở lại - Giá thép xây dựng có tín hiệu bắt đầu xu hướng hồi phục - Công suất tăng thêm từ dự án Dung Quất giúp HPG mở rộng thị phần.
Kinhbac City Development (KBC)	09/03/2020	53,000	1.9%	286.9%	<ul style="list-style-type: none"> - Giá bán khu đô thị Trảng Duyệt cao hơn kỳ vọng - Hưởng lợi từ các Hiệp định thương mại tự do, đặc biệt là EVFTA - Covid-19 đẩy nhanh quá trình chuyển dịch nhà máy khỏi Trung Quốc

Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Thống kê thị trường

HSX – Top 5 cổ phiếu mua/bán ròng khối ngoại

Mã	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Mua ròng (Tỷ VND)
NKG	4.3%	7.6%	53.0
VND	-2.0%	19.5%	45.1
PNJ	4.3%	48.5%	15.3
DPM	5.3%	9.3%	13.9
HAH	6.9%	16.9%	8.7

Mã	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Bán ròng (Tỷ VND)
HPG	0.8%	22.8%	-240.2
VNM	-1.3%	54.3%	-125.6
VHM	-0.8%	23.9%	-85.5
MSN	-2.1%	28.8%	-81.8
GAS	1.2%	2.9%	-61.8

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

HNX – Top 5 cổ phiếu mua/bán ròng khối ngoại

Ticker	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Mua ròng (Tỷ VND)
TNG	-2.4%	2.1%	3.0
PVG	9.7%	1.3%	2.5
IDC	-3.2%	1.1%	2.2
PVS	3.7%	9.1%	1.9
PVI	1.2%	57.8%	1.5

Ticker	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Bán ròng (Tỷ VND)
THD	0.2%	1.6%	-11.0
SCI	-3.8%	4.6%	-2.8
TC6	7.1%	1.7%	-1.4
THT	2.7%	5.1%	-1.1
BVS	-2.5%	9.6%	-1.0

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

Nhóm ngành – Top 5 nhóm ngành tăng/giảm trong tuần

5 ngành diễn biến tích cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Tài nguyên Cơ bản	5.5%	HPG, NKG
Hóa chất	4.9%	DGC, DCM
Dầu khí	3.7%	PLX, PVD
Hàng cá nhân & Gia dụng	3.0%	PNJ, STK
Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	2.3%	GMD, PVT

5 ngành diễn biến tiêu cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Bảo hiểm	-3.3%	BVH, BIC
Bất động sản	-3.0%	VHM, BCM
Thực phẩm và đồ uống	-2.8%	SAB, VNM
Du lịch và Giải trí	-2.0%	VJC, SCS
Ngân hàng	-1.6%	BID, VCB

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

Nhóm ngành – Top 5 tăng/giảm trong tháng

5 ngành diễn biến tích cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Truyền thông	16.9%	YEG, ADG
Hóa chất	16.7%	GVR, DPM
Dầu khí	10.0%	PLX, PVD
Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	7.8%	GMD, PVT
Y tế	7.7%	DHG, TNH

5 ngành diễn biến tiêu cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Ngân hàng	-9.1%	BID, VCB
Bất động sản	-5.2%	VHM, VIC
Du lịch và Giải trí	0.1%	HVN, SCS
Thực phẩm và đồ uống	0.5%	VNM, BHN
Bảo hiểm	1.2%	BVH, BIC

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

Việt Nam – Cổ phiếu tiêu biểu

Ngành	Mã	Tên công ty	Giá bán	Vốn hóa thị trường (VND tỷ, USD mn)	GTGD (VND tỷ, USD mn)	Room còn lại (%,-1d)	P/E (X)		EPS CAGR (%)	ROE (%)		P/B (X)		Biến động (%)			
							20E	21E		20E	21E	20E	21E	1D	1W	1M	YTD
Bất Động Sản	VIC	VINGROUP JSC	97,778	372,067 (16,170)	368,941 (16.2)	22.5	270.8	52.7	14.7	1.2	5.8	3.1	2.9	0.1	-1.1	-9.0	-18.0
	VHM	VINHOMES JSC	79,385	339,478 (14,753)	329,228 (14.4)	26.6	9.1	7.7	35.9	25.1	23.2	2.1	1.6	-0.8	-4.5	-9.2	-9.8
	VRE	VINCOM RETAIL JS	34,850	79,190 (3,442)	249,093 (10.9)	17.8	25.9	18.0	-7.6	9.1	10.8	2.2	2.1	-2.8	-3.7	12.0	5.0
	NVL	NO VA LAND INVES	45,853	86,712 (3,768)	231,220 (10.1)	31.3	25.3	17.6	6.7	14.7	15.5	4.4	3.2	0.7	0.1	-3.2	-15.9
	KDH	KHANG DIEN HOUSE	31,182	19,167 (833)	67,934 (3.0)	11.6	23.0	17.2	18.0	14.3	13.7	2.9	2.6	-1.7	-4.7	-3.6	0.4
	DXG	DAT XANH GROUP	21,130	12,594 (547)	425,500 (18.7)	13.9	17.0	18.8	-	14.8	12.4	2.3	2.2	-2.9	-	10.7	9.1
Ngân hàng	VCB	BANK FOR FOREIGN	79,937	378,305 (16,441)	136,031 (6.0)	6.3	15.9	12.6	11.7	20.8	21.2	2.8	2.4	1.8	-2.4	-8.6	5.3
	BID	BANK FOR INVESTM	34,507	174,556 (7,586)	131,041 (5.8)	12.7	14.6	11.0	-5.3	17.4	20.2	2.2	2.0	-2.6	-4.6	16.3	9.2
	TCB	VIETNAM TECHNOLO	38,900	136,341 (5,925)	510,913 (22.4)	0.0	8.0	6.6	14.3	21.0	20.5	1.5	1.2	0.2	-0.2	-8.4	-1.8
	CTG	VIETNAM JS COMM	28,512	137,021 (5,955)	349,967 (15.4)	1.4	8.7	6.8	61.1	18.9	20.8	1.4	1.2	-0.2	0.0	12.0	-5.6
	VPB	VIETNAM PROSPERI	22,944	101,381 (4,406)	713,888 (31.3)	0.0	10.8	8.6	18.8	16.5	17.1	1.7	1.4	-0.4	1.0	-0.7	2.9
	MBB	MILITARY COMMERC	19,407	73,327 (3,187)	697,279 (30.6)	0.0	7.9	6.7	14.6	22.6	21.6	1.4	1.1	-0.8	-5.4	-7.7	6.4
	HDB	HDBANK	20,400	40,641 (1,766)	182,505 (8.0)	4.2	7.5	6.5	23.3	21.8	19.8	-	-	-1.3	-1.3	14.6	-12.5
	STB	SACOMBANK	18,600	33,548 (1,458)	745,295 (32.7)	14.0	11.1	7.5	26.5	14.2	18.7	1.5	1.3	0.8	-0.5	11.3	-1.3
	TPB	TIEN PHONG COMME	20,630	28,732 (1,249)	279,065 (12.2)	0.0	8.9	7.5	37.5	22.2	22.3	1.9	1.6	0.0	-6.4	-6.5	-5.5
EIB	VIETNAM EXPORT-I	18,500	22,745 (988)	30,188 (1.3)	0.2	-	-	27.3	-	-	-	-	4.8	8.6	-0.1	3.1	
Bảo hiểm	BVH	BAO VIET HOLDING	61,900	45,950 (1,997)	58,872 (2.6)	21.0	20.0	16.4	15.8	9.7	11.0	1.8	1.7	-3.4	-4.4	0.9	0.7
	BMI	BAOMINH INSURANC	22,250	2,439 (106)	15,700 (0.7)	14.2	24.5	19.4	9.1	10.8	13.1	2.3	2.1	1.1	1.3	3.2	-7.6
Chứng khoán	SSI	SSI SECURITIES C	21,998	19,947 (867)	462,774 (20.3)	55.4	20.8	19.6	-3.2	14.0	15.2	-	-	-0.9	4.0	2.0	-10.0
	VCI	VIET CAPITAL SEC	27,500	9,108 (396)	172,448 (7.6)	71.9	-	-	-4.0	-	-	-	-	1.3	1.0	4.8	-12.9
	HCM	HO CHI MINH CITY	22,265	8,907 (387)	147,714 (6.5)	52.4	-	-	-19.0	-	-	-	-	-1.6	0.0	-3.8	-18.5
	VND	VNDIRECT SECURIT	17,211	5,734 (249)	413,072 (18.1)	27.2	-	-	36.3	-	-	-	-	-2.0	-3.2	2.1	-10.4
Hàng tiêu dùng thiết yếu	VNM	VIET NAM DAIRY P	109,000	227,805 (9,900)	170,389 (7.5)	42.1	15.6	14.4	4.0	31.3	32.9	4.5	4.3	-1.3	-4.3	-9.3	-13.1
	SAB	SAIGON BEER ALCO	192,500	123,447 (5,365)	25,691 (1.1)	36.9	23.1	19.2	7.3	19.7	21.4	4.2	3.8	-0.4	-8.3	0.8	2.6
	MSN	MASAN GROUP CORP	95,100	111,712 (4,855)	131,631 (5.8)	16.5	33.8	8.1	-51.9	17.9	23.0	5.6	4.5	-2.1	-1.0	6.1	-9.1
HNG	HOANG ANH GIA LA	12,450	13,801 (600)	115,620 (5.1)	48.8	-	-	-	-	-	-	-	-	-1.0	7.6	4.5	-19.2
Công nghiệp (vận tải)	VJC	VIETJET AVIATION	131,800	69,042 (3,001)	130,067 (5.7)	11.0	-	61.0	-88.5	1.0	10.1	-	-	2.2	-3.4	3.7	9.1
	GMD	GEMADEPT CORP	33,100	9,976 (434)	152,433 (6.7)	10.8	22.8	20.9	-57.0	12.1	13.4	2.7	2.5	6.8	10.4	15.9	18.8
	CII	HO CHI MINH CITY	22,600	5,398 (235)	338,538 (14.9)	38.4	12.2	8.0	65.7	11.2	14.9	1.4	1.2	-2.6	-7.9	9.8	-34.7
Công nghiệp (Tư bản)	ROS	FLC FAROS CONSTR	3,670	2,083 (091)	122,811 (5.4)	46.4	-	-	-92.4	-	-	-	-	-0.8	1.2	6.7	-38.9
	GEX	GELEX GROUP JSC	15,802	10,411 (452)	619,959 (27.2)	37.7	19.3	14.2	-13.2	12.0	15.1	-	-	2.6	0.0	3.6	-1.6
	CTD	COTECCONS CONSTR	73,200	5,438 (236)	52,546 (2.3)	3.6	23.5	20.5	-52.4	3.2	3.7	0.8	0.8	-3.6	-7.2	11.5	-21.6
	REE	REE	59,600	18,419 (800)	43,644 (1.9)	0.0	11.0	9.3	-4.5	13.8	14.4	1.5	1.3	-1.9	-3.9	2.0	2.9

Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Việt Nam – Cổ phiếu tiêu biểu

Ngành	Mã	Tên công ty	Giá bán	Vốn hóa thị trường (VND tỷ, USDmn)	GTGD (VND triệu, USDmn)	Room còn lại (%,-1d)	P/E (X)		EPS CAGR (%)	ROE (%)		P/B (X)		Biến động (%)			
							20E	21E		20E	21E	20E	21E	1D	1W	1M	YTD
Tiện ích	GAS	PETROVIETNAM GAS	90,100	172,447 (7,494)	141,621 (6.2)	46.1	19.7	17.7	-17.5	22.0	23.7	4.2	3.9	1.2	2.5	11.1	27.0
	NT2	PETROVIETNAM NHO	22,850	6,578 (286)	13,780 (0.6)	31.4	12.3	9.9	-10.5	14.3	15.8	1.5	1.4	-0.4	-0.2	-3.8	-12.9
	PPC	PHA LAI THERMAL	26,200	8,400 (365)	4,874 (0.2)	34.1	13.8	8.7	-5.1	10.3	16.7	1.4	1.4	0.2	-0.4	-3.1	-7.9
Nguyên vật liệu	HPG	HOA PHAT GRP JSC	32,481	145,287 (6,314)	1,205,403 (52.9)	18.0	7.3	7.2	21.9	29.4	24.2	1.8	1.5	0.8	6.3	5.4	7.4
	DPM	PETROVIETNAM FER	17,400	6,809 (296)	394,063 (17.3)	36.5	10.8	16.5	-0.5	30.7	17.8	3.7	3.3	5.3	9.2	49.1	30.6
	DCM	PETRO CA MAU FER	13,650	7,226 (314)	258,628 (11.3)	46.5	9.7	14.3	-4.5	29.9	17.6	2.5	2.3	5.6	14.2	55.2	21.4
	HSG	HOA SEN GROUP	22,636	11,063 (481)	426,929 (18.7)	38.9	7.3	7.2	67.9	24.0	20.4	1.5	1.3	2.6	4.5	13.7	10.8
	AAA	AN PHAT BIOPLAST	12,864	3,138 (136)	92,406 (4.1)	97.2	17.1	17.1	17.2	7.0	-	1.2	1.1	-0.8	-0.6	-1.1	-13.1
Năng lượng	PLX	VIETNAM NATIONAL	56,100	68,375 (2,972)	208,332 (9.1)	4.6	20.2	18.1	-51.0	15.3	16.9	3.0	2.9	2.8	2.4	6.1	16.9
	PVD	PETROVIETNAM DRI	23,400	9,854 (428)	319,185 (14.0)	39.9	34.3	17.0	-11.9	3.6	6.6	1.2	1.1	6.0	10.1	33.8	34.7
	PVT	PETROVIET TRANSP	17,900	5,793 (252)	136,379 (6.0)	35.9	10.5	9.2	1.2	17.2	16.4	1.5	1.3	2.7	9.4	23.7	18.0
Hàng tiêu dùng không thiết yếu	MWG	MOBILE WORLD INV	93,000	65,024 (2,826)	171,374 (7.5)	0.0	14.8	12.8	13.7	29.1	29.4	4.1	3.7	-0.3	-0.5	-2.3	-1.5
	PNJ	PHU NHUAN JEWELR	87,500	19,895 (865)	138,706 (6.1)	0.0	18.3	14.9	2.4	21.2	20.6	3.4	2.8	4.2	6.9	7.0	14.9
	YEG	YEAH1 GROUP CORP	40,300	1,261 (055)	16,939 (0.7)	70.6	-	-	-	-	-	-	-	6.9	-4.4	43.2	11.8
	FRT	FPT DIGITAL RETA	28,200	2,227 (097)	156,764 (6.9)	30.3	16.5	13.0	-75.2	30.7	29.9	4.4	3.5	-0.8	-5.6	25.2	19.7
	PHR	PHUOC HOA RUBBER	61,900	8,387 (365)	54,079 (2.4)	34.6	10.7	11.8	41.2	33.6	26.0	2.9	2.4	-0.1	-0.6	-1.9	10.1
Chăm sóc sức khỏe	DHG	DHG PHARMACEUTIC	100,300	13,114 (570)	5,767 (0.3)	45.4	19.7	18.4	10.7	19.3	18.8	3.5	3.2	0.0	-3.0	13.4	1.3
	PME	PYMEPHARCO JSC	80,200	6,016 (261)	#N/A (#N/A)	11.7	-	-	1.6	-	-	-	-	-	-	-	-
IT	FPT	FPT CORP	68,000	61,301 (2,664)	103,737 (4.5)	0.0	17.1	13.9	15.5	27.4	29.2	3.7	-	0.7	2.6	5.3	2.7

Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

KHỐI PHÂN TÍCH CÔNG TY CHỨNG KHOÁN KB VIỆT NAM

Nguyễn Xuân Bình
Giám đốc Khối Phân tích
binhnx@kbsec.com.vn

Phân tích Doanh nghiệp

Dương Đức Hiếu
Giám đốc Phân tích Doanh nghiệp
hieudd@kbsec.com.vn

Nguyễn Anh Tùng
Chuyên viên cao cấp – Tài chính & Công nghệ
tungna@kbsec.com.vn

Phạm Hoàng Bảo Nga
Chuyên viên cao cấp – Bất động sản nhà ở
ngaphb@kbsec.com.vn

Lê Anh Tùng
Chuyên viên cao cấp – Dầu Khí & Ngân hàng
tungla@kbsec.com.vn

Nguyễn Ngọc Hiếu
Chuyên viên phân tích – Năng lượng & Vật liệu xây dựng
hieunn@kbsec.com.vn

Tiêu Phan Thanh Quang
Chuyên viên phân tích – Bất động sản công nghiệp & Logistics
quangtpt@kbsec.com.vn

Lương Ngọc Tuấn Dũng
Chuyên viên phân tích – Bán lẻ & Hàng tiêu dùng
dunglnt@kbsec.com.vn

Khối Phân tích
research@kbsec.com.vn

Phân tích Vĩ mô & Chiến lược đầu tư

Trần Đức Anh
Giám đốc Vĩ mô & Chiến lược Đầu tư
anhhd@kbsec.com.vn

Lê Hạnh Quyên
Chuyên viên phân tích – Vĩ mô & Ngân hàng
quyenlh@kbsec.com.vn

Thái Hữu Công
Chuyên viên phân tích – Chiến lược & Cổ phiếu Mid cap
congth@kbsec.com.vn

Trần Thị Phương Anh
Chuyên viên phân tích – Chiến lược & Cổ phiếu Mid cap
anhhttp@kbsec.com.vn

Bộ phận Hỗ trợ

Nguyễn Cẩm Thơ
Chuyên viên hỗ trợ
thonc@kbsec.com.vn

Nguyễn Thị Hương
Chuyên viên hỗ trợ
huongnt3@kbsec.com.vn

CTCP CHỨNG KHOÁN KB VIỆT NAM (KBSV)

Trụ sở chính:

Địa chỉ: Tầng G, tầng M, tầng 2 và 7, Tòa nhà Sky City số 88 Láng Hạ, Đống Đa, Hà Nội
Điện thoại: (+84) 24 7303 5333 - Fax: (+84) 24 3776 5928

Chi nhánh Hà Nội:

Địa chỉ: Tầng 1, Tòa nhà VP, số 5 Điện Biên Phủ, Quận Ba Đình, Hà Nội
Điện thoại: (+84) 24 7305 3335 - Fax: (+84) 24 3822 3131

Chi nhánh Hồ Chí Minh:

Địa chỉ: Tầng 2, TNR Tower Nguyễn Công Trứ, 180-192 Nguyễn Trứ, Q1, TP Hồ Chí Minh
Điện thoại: (+84) 28 7303 5333 - Fax: (+84) 28 3914 1969

Chi nhánh Sài Gòn:

Địa chỉ: Tầng 1, Saigon Trade Center, 37 Tôn Đức Thắng, Phường Bến Nghé, Q1, Hồ Chí Minh
Điện thoại: (+84) 28 7306 3338 - Fax: (+84) 28 3910 1611

LIÊN HỆ

Trung Tâm Khách hàng Tổ chức: (+84) 28 7303 5333 – Ext: 2656

Trung Tâm Khách hàng Cá nhân: (+84) 24 7303 5333 – Ext: 2276

Email: ccc@kbsec.com.vn

Website: www.kbsec.com.vn

Hệ thống khuyến nghị

Hệ thống khuyến nghị đầu tư cổ phiếu

(dựa trên kỳ vọng tăng giá tuyệt đối trong 6 tháng tới)

Mua:	Nắm giữ:	Bán:
+15% hoặc cao hơn	trong khoảng +15% và -15%	-15% hoặc thấp hơn

Hệ thống khuyến nghị đầu tư ngành

(dựa trên kỳ vọng tăng giá tuyệt đối trong 6 tháng tới)

Khả quan:	Trung lập:	Kém khả quan:
Vượt trội hơn thị trường	Phù hợp thị trường	Kém hơn thị trường

Ý kiến trong báo cáo này phản ánh đánh giá chuyên môn của (các) chuyên viên phân tích kể từ ngày phát hành và dựa trên thông tin và dữ liệu thu được từ các nguồn mà KBSV cho là đáng tin cậy. KBSV không tuyên bố rằng thông tin và dữ liệu là chính xác hoặc đầy đủ và các quan điểm được trình bày trong báo cáo này có thể thay đổi mà không cần thông báo trước. Khách hàng nên độc lập xem xét các trường hợp và mục tiêu cụ thể của riêng mình và tự chịu trách nhiệm về các quyết định đầu tư của mình và chúng tôi sẽ không có trách nhiệm đối với các khoản đầu tư hoặc kết quả của chúng. Những tài liệu này là bản quyền của KBSV và không được sao chép, phân phối lại hoặc sửa đổi mà không có sự đồng ý trước bằng văn bản của KBSV. Nhận xét và quan điểm trong báo cáo này có tính chất chung và chỉ nhằm mục đích tham khảo và không được phép sử dụng cho bất kỳ mục đích nào khác.